

BẢN THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA SỨC KHỎE RĂNG MIỆNG CHO TRẺ EM
(Dùng cho trẻ từ 42-53 tháng tuổi)

| | | | |
|-------------------|--|---------------|--------|
| Tên trẻ được khám | | Số CMND | - 3(4) |
| Địa chỉ | | Số điện thoại | |

Đánh giá bảng câu hỏi

| | | | | |
|---|--|--|--------------------|--|
| Bệnh sử (Răng miệng) | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có | Vấn đề về thói quen sức khỏe răng miệng | Hấp thụ đường | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có |
| Nhận thức về sức khỏe răng miệng | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có | | Vệ sinh răng miệng | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có |
| | | | Sử dụng flo | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có |

Kết quả kiểm tra sức khỏe răng miệng

| Mục | Bệnh liên quan | Các mục kiểm tra | Kết quả kiểm tra | Tham khảo kết quả | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------------------------|--------------------------------|---|--|-------------------|--|---|----|----|------|-----|----|--------|----|----|----|--------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Kiểm tra răng | Bệnh sâu răng (Răng có lỗ sâu) | Tình trạng răng <table border="1"> <tr> <td>16</td><td>55</td><td>54</td><td>53</td><td>52</td><td>51</td><td>61</td><td>62</td><td>63</td><td>64</td><td>65</td><td>26</td></tr> <tr> <td>46</td><td>85</td><td>84</td><td>83</td><td>82</td><td>81</td><td>71</td><td>72</td><td>73</td><td>74</td><td>75</td><td>36</td></tr> </table> | | | | | | | | | | | | 16 | 55 | 54 | 53 | 52 | 51 | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 26 | 46 | 85 | 84 | 83 | 82 | 81 | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 36 |
| | | 16 | 55 | 54 | 53 | 52 | 51 | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 26 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 46 | 85 | 84 | 83 | 82 | 81 | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 36 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | < Cách biểu thị > Răng sâu: ● Răng nghi bị sâu: ① Răng đã trám lại: F Bít kín lỗ ở răng: Se | | | ※ Tỷ lệ sâu răng sữa (Năm 2006/%) <table border="1"> <tr> <td></td><td>Tổng</td><td>Nam</td><td>Nữ</td></tr> <tr> <td>2 tuổi</td><td>13</td><td>9</td><td>32</td></tr> <tr> <td>3 tuổi</td><td>27</td><td>15</td><td>23</td></tr> </table> (Bộ y tế và phúc lợi. 2006 điều tra thực trạng sức khỏe răng miệng toàn dân. 2007) | | | | Tổng | Nam | Nữ | 2 tuổi | 13 | 9 | 32 | 3 tuổi | 27 | 15 | 23 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | Tổng | Nam | Nữ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 tuổi | 13 | 9 | 32 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 tuổi | 27 | 15 | 23 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Răng bị sâu | | | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có | | | ※ Giải thích về các mục kiểm tra ① Răng sâu : Răng có lỗ sâu ② Răng nghi bị sâu ở kẽ : răng bị nghi có lỗ sâu giữa kẽ răng ③ Răng đã trám lại : răng được trám hay chụp vào bằng các chất liệu như vàng, nhựa nha khoa, amalgam để trị các lỗ sâu răng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Răng nghi bị sâu ở kẽ | | | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Răng đã trám lại | | | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Răng có nguy cơ bị sâu | | | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ý kiến về việc kiểm tra các phần khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Kiểm tra vệ sinh răng miệng | Bệnh sâu răng | Cận thức ăn và mảng cao răng | <input type="checkbox"/> Tốt <input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Cần cải thiện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Nhận định tổng hợp và biện pháp xử lý

| | | | | | |
|---------------------------|--|---|--|--------------------------------|--|
| Nhận định tổng hợp | | <input type="checkbox"/> Bình thường A <input type="checkbox"/> Bình thường B <input type="checkbox"/> Cần lưu ý <input type="checkbox"/> Cần điều trị | | | |
| Biện pháp xử lý | Cần giáo dục bảo vệ sức khỏe răng miệng | Khuyến cáo quản lý sau khám | | Biện pháp xử lý bổ sung | |
| | <input type="checkbox"/> Hấp thụ đường (dinh dưỡng) <input type="checkbox"/> Vệ sinh răng miệng <input type="checkbox"/> Sử dụng flo | <input type="checkbox"/> Kiểm tra răng miệng kỹ càng hơn (chụp X-quang...) <input type="checkbox"/> Gặp chuyên gia để quản lý vệ sinh răng miệng <input type="checkbox"/> Xử lý phòng ngừa đặc biệt (trám răng, trám flo...) <input type="checkbox"/> Điều trị bệnh răng miệng (trị sâu răng...) | | | |
| Giải thích kết quả | | | | | |

| | | | | | |
|-----------------|-----|----------------------|------|---------------------|----------|
| Cơ quan y tế số | | Tên cơ quan kiểm tra | | Tên bác sỹ kiểm tra | (Ký tên) |
| Ngày kiểm tra | Năm | tháng | ngày | Số giấy phép | |

※ Lân kiểm tra sức khỏe răng miệng này được tiến hành theo các phương pháp kiểm tra tập trung vào bệnh sâu răng nên không thể phát hiện một cách chính xác tất cả các bệnh về răng miệng, do vậy cần được bác sỹ tư vấn các biện pháp xử lý.